

Phụ lục II

HỒ SƠ MỜI THẦU
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ
VÀ HAI GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG

(Kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên dự án:

[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]

Phát hành ngày:

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định:

[ghi số và ngày quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu

(nếu có)

[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Bên mời thầu

[ghi tên, ký tên, đóng dấu]

Handwritten signatures and stamps at the bottom right of the page.



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	5
Chương I. Chi dẫn nhà đầu tư.....	5
Chương II. Bảng dữ liệu.....	31
Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu	41
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.....	61
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	87
PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	90

DM 12/24

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án cụ thể.

Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời thầu, Tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Am *Tua*

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

<p>1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại BDL mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDT đối với dự án được mô tả trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án.</p> <p>1.2. Tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại BDL.</p> <p>1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại BDL.</p> <p>1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại BDL.</p>
<p>2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu</p>	<p>Hành vi bị cấm trong đấu thầu gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.</p>
<p>3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư</p>	<p>Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;</p> <p>3.2. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo BDL;</p> <p>3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;</p> <p>3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất</p>

Handwritten signatures

	<p>và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>3.9. Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế.</p>
4. Nội dung HSMT	<p>4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu <p>b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án</p> <p>c) Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng</p> <p>4.2. Thông báo mời thầu do bên mời thầu đăng tải chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT.</p> <p>4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT không do bên mời thầu cung cấp.</p> <p>4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.</p>
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	<p>5.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT thì nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu trên Hệ thống (đối với đấu thầu trong nước), gửi văn bản đề nghị làm rõ trực tiếp đến bên mời thầu (đối với đấu thầu quốc tế) để xem xét, xử lý.</p> <p>5.2. Thời hạn tối thiểu để nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ theo quy định tại Mục 5.1 CDNĐT quy định tại BDL.</p> <p>5.3. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Đăng tải nội dung làm rõ trên Hệ thống;</p> <p>b) Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại BDL để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu lập thành biên bản làm rõ HSMT và phải được đăng tải trên Hệ thống.</p>

Am *rua*

	<p>Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu cần nêu rõ nội dung các câu hỏi của nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư.</p> <p>5.4. Bên mời thầu làm rõ HSMT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMT phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>5.5. Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.</p> <p>5.6. Văn bản làm rõ HSMT là một phần của HSMT.</p>
<p>6. Khảo sát hiện trường</p>	<p>6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại BDL.</p> <p>6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.</p>
<p>7. Sửa đổi HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMT, HSMT đã được sửa đổi. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>Quyết định sửa đổi HSMT là một phần của HSMT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMT.</p> <p>7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT theo quy định tại BDL. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định nêu trên thì bên mời</p>

	thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại BDL .
10. Thành phần của HSDT	<p>10.1. HSDT gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; - Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; - Thỏa thuận liên danh theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; - Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; - Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. <p>10.2. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT.</p> <p>10.3. Các nội dung khác nêu tại BDL.</p>
11. Đơn dự thầu	<p>11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.</p> <p>Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản</p>

	<p>này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV– Biểu mẫu dự thầu) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu.</p> <p>11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.</p>
<p>12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư</p>	<p>12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại BDL.</p> <p>12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm:</p> <p>a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu số 06, 07 và 08 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại BDL thì khi lập HSDT, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDT; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại BDL để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDT;</p> <p>b) Các tài liệu khác theo quy định tại BDL.</p>
<p>13. Thành phần đề xuất về kỹ thuật</p>	<p>Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh gồm các nội dung theo quy định tại BDL và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.</p>
<p>14. Đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh</p>	<p>14.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án đầu tư kinh doanh.</p> <p>14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án đầu tư kinh doanh.</p>
<p>15. Thành phần đề xuất về tài chính</p>	<p>15.1. Trong HSDT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương gồm các</p>

	<p>nội dung theo quy định tại BDL và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án đầu tư kinh doanh và giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện trong đơn dự thầu là giá điện.</p>
<p>16. Đồng tiền dự thầu</p>	<p>16.1. Đồng tiền dự thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>16.2. Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, nhà đầu tư phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam.</p> <p>16.3. Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài, Đồng Việt Nam.</p>
<p>17. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p>

DM *mtt*

	<p>17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là hợp lệ theo quy định tại điểm đ khoản 1.2 Mục 1 Chương III – Đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>17.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại BDL.</p> <p>17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà đầu tư rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Nhà đầu tư có hành vi vi phạm tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và đ Mục 33.1 CDNĐT;</p> <p>c) Nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNĐT;</p> <p>d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>đ) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>
<p>18. Thời gian có hiệu lực của HSDT</p>	<p>18.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.</p>
<p>19. Quy cách HSDT và chữ ký</p>	<p>19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT gồm: 01 bản gốc HSDT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định</p>

<p>trong HSDT</p>	<p>tại BDL.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.</p> <p>Trường hợp có phương án đầu tư kinh doanh thay thế theo quy định tại Mục 14 CDNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL.</p> <p>19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại.</p> <p>19.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có).</p> <p>19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 10.1 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh được phân công thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm tại văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<p>20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</p>	<p>20.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”; đồng thời đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng.</p> <p>Các túi đựng: HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế, phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của</p>

	<p>nhà đầu tư.</p> <p>20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin:</p> <p>a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;</p> <p>b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT;</p> <p>c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSDT” đối với túi đựng HSDT và túi đựng HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có).</p> <p>20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát.</p> <p>20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<p>21. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu và quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại BDL trước khi HSDT được tiếp nhận.</p> <p>21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn</p>

	<p>trên Hệ thống. Thông báo gia hạn nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.</p> <p>Trong thời gian gia hạn thời điểm đóng thầu, nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.</p>
22. HSDT nộp muộn	<p>HSDT hoặc các tài liệu được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. HSDT hoặc các tài liệu được được nhà đầu tư gửi bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.</p>
23. Sửa đổi, thay thế, rút HSDT	<p>23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế, rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT.</p> <p>23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT;</p> <p>b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT.</p> <p>23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.</p>
24. Bảo mật	<p>24.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT.</p>

	<p>24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p>
<p>25. Làm rõ HSDT</p>	<p>25.1. Sau khi mở thầu, trường hợp HSDT của nhà đầu tư thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự thì bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDT khi bên mời thầu có yêu cầu. Việc làm rõ các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư tham dự thầu.</p> <p>Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDT). Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong thời hạn theo quy định tại BDL, bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT.</p> <p>25.2. Sau khi đóng thầu, trường hợp nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng HSDT thì được gửi thông tin, tài liệu để bổ sung, làm rõ. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT.</p> <p>25.3. Việc làm rõ các nội dung đề xuất về phương án đầu tư</p>

	<p>kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi các đề xuất tương ứng trong HSDT đã nộp.</p> <p>25.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.</p>
<p>26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>26.1. Khi đánh giá HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính của HSDT để xác định HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó:</p> <p>a) “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại HSMT;</p> <p>b) “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu quy định tại HSMT;</p> <p>c) “Bỏ sót nội dung” là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định tại HSMT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu quy định tại HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được làm ảnh hưởng đến đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện của nhà đầu tư. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại.</p>
<p>27. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>27.1. Bên mời thầu, tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT.</p> <p>27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung,</p>

	<p>thay thế sẽ:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng;</p> <p>b) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>27.3. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>28. Mở thầu</p>	<p>28.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo Mục 28.2 CDNĐT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở HSDT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>28.2. Bên mời thầu kiểm tra niêm phong, mở từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và đọc rõ các thông tin sau:</p> <p>a) Tên nhà đầu tư;</p> <p>b) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có);</p> <p>c) Giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện trong đơn dự thầu là giá điện.</p> <p>d) Đề xuất tăng hoặc giảm của giá trị quy định tại điểm c Mục này (nếu có);</p> <p>đ) Thời gian có hiệu lực của HSDT;</p> <p>e) Giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</p> <p>g) Các thông tin liên quan khác (nếu có).</p> <p>28.3. Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại Mục</p>

	<p>28.2 CDNĐT, phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà đầu tư tham dự thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.</p> <p>28.4. Đại diện của bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung về phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện của từng HSDT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT.</p> <p>28.5. Đối với trường hợp rút HSDT</p> <p>Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>28.6. Đối với trường hợp sửa đổi HSDT</p> <p>Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDT, HSDT sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>28.7. Đối với trường hợp thay thế HSDT</p> <p>Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDT, HSDT thay thế. HSDT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDT nếu văn bản đề nghị thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p>
<p>29. Đánh giá HSDT</p>	<p>29.1. Đánh giá HSDT theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các Mục 29.2 CDNĐT và Chương III - Đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>29.2. Dự án được đánh giá theo thang điểm 100 hoặc 1.000,</p>

As *TAK*

	<p>trong đó điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm tổng tỷ trọng là 100%, trong đó:</p> <p>a) Điểm năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại BDL;</p> <p>b) Điểm phương án đầu tư kinh doanh theo quy định tại BDL;</p> <p>c) Điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện theo quy định tại BDL.</p> <p>29.3. Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:</p> <p>a) Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn 70% tổng số điểm;</p> <p>b) Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó;</p> <p>c) Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn 50% điểm tối đa của tiêu chí đó.</p> <p>Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</p>
<p>30. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch</p>	<p>30.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính – thương mại và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p>30.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại BDL trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 27.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p> <p>30.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch, việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo để nhà đầu tư có ý kiến về nội dung đó. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường</p>

Handwritten signatures and initials.

	<p>hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSĐT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại;</p> <p>b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.</p>
<p>31. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>31.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi:</p> <p>a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá HSĐT;</p> <p>b) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá HSĐT.</p> <p>31.2. Khi dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh theo quy định tại BDL về giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, quyền sử dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi.</p> <p>31.3. Cách tính ưu đãi:</p> <p>Điểm tổng hợp của đối tượng được hưởng ưu đãi được tính theo công thức sau:</p> $T'_{TH} = T_{TH} + T_{TH} \times M_{UD}$ <p>Trong đó:</p> <p>T'_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đã bao gồm mức ưu đãi để so sánh, xếp hạng;</p> <p>T_{TH}: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi chưa bao gồm mức ưu đãi.</p> <p>M_{UD}: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Mục 31.1 CDNĐT.</p>

Handwritten signatures and initials in blue ink.

	<p>31.4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi quy định Mục 31.1 CDNĐT được lựa chọn ký kết hợp đồng phải thực hiện theo đúng cam kết trong HSDT, hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất.</p>
32. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có HSDT hợp lệ;</p> <p>32.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm;</p> <p>32.3. Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh;</p> <p>32.4. Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện;</p> <p>32.5. Có điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện cao nhất.</p>
33. Hủy thầu	<p>33.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT đã phát hành;</p> <p>c) HSMT có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;</p> <p>d) Nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d và đ Mục 33.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan.</p> <p>33.3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSMT đến trước ngày ký kết hợp đồng.</p>
34. Công khai kết quả lựa chọn nhà	<p>34.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng</p>

<p>đầu tư</p>	<p>tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu; đồng thời, gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Tên dự án;</p> <p>b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có);</p> <p>c) Thông tin về giá trị do nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện là giá điện.</p> <p>d) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;</p> <p>đ) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn;</p> <p>e) Các nội dung khác (nếu có).</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.</p> <p>34.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 35, 36 và 37 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 17.5 CDNĐT.</p>
<p>35. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng</p>	<p>35.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng quy định tại Mục 34.3 CDNĐT.</p> <p>35.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p>

th *tr*

b) HSDT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSDT (nếu có) của nhà đầu tư;

c) HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT (nếu có);

d) Tài liệu khác có liên quan.

35.3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;

b) Không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT.

35.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung được đề xuất trong HSDT nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc còn khác nhau; nội dung chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng;

c) Đàm phán về các nội dung khác liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng;

d) Các nội dung cần thiết khác.

35.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDT đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSMT, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

35.6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo thành công, bên mời thầu trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 CDNĐT.

<p>36. Ký kết hợp đồng và nguyên tắc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất</p>	<p>36.1. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư công trình năng lượng phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực;</p> <p>b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng theo yêu cầu của HSMT.</p> <p>36.2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong HSMT, HSDT, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.</p> <p>36.3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng.</p> <p>36.4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư công trình năng lượng tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật Đấu thầu.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp theo quy định tại BDL để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>37.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại BDL.</p> <p>37.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 93 Luật Đấu thầu.</p>
<p>39. Xử lý vi phạm</p>	<p>39.1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp</p>

<p>trong hoạt động đấu thầu</p>	<p>luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>39.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc bên mời thầu:</p> <p>a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5; điểm h, k khoản 6 Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d và e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp: thành viên liên danh vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, e khoản 6, khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì chỉ cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các thành viên còn lại.</p> <p>39.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm.</p> <p>39.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu quy định tại Mục 39.2 CDNĐT là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.</p> <p>39.5. Người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của</p>
--	--

Handwritten signatures and initials.

mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;
- b) Kiến nghị tại kết luận điều tra của cơ quan điều tra, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;
- c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;
- d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

39.6. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định Mục 39.5 CDNĐT hoặc đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý ngành điện. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền.

39.7. Căn cứ quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc trong thời hạn 05 năm đối với tổ chức, cá nhân đang bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu tại 03 quyết định khác nhau của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

39.8. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

- a) Tên người có thẩm quyền;
- b) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;
- c) Thời gian cấm bao gồm: thời gian cấm đối với hành vi vi phạm (nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm); thời gian cấm đối với hành vi vi phạm tiếp theo (nếu có); tổng thời gian cấm;
- d) Phạm vi cấm;
- đ) Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực.

Handwritten signatures and initials.

	<p>39.9. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo không đồng ý với quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu thì có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>39.10. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu bị xử lý theo quy định tại Mục 39.2 CDNĐT và bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.</p>
<p>40. Giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>40.1. Việc giám sát hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 86 của Luật Đấu thầu được thực hiện lồng ghép với hoạt động giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký về đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>40.2. Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p>40.3. Nội dung giám sát lựa chọn nhà đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Công bố dự án đầu tư công trình năng lượng; b) Lập, thẩm định và phê duyệt HSMT; c) Đánh giá HSDT; d) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng. <p>40.4. Hết thời hạn hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư giám sát dự án đầu tư hoặc giám sát tổng thể đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bảo đảm nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các cam kết trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.</p>
<p>41. Triển khai thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của nhà đầu tư trúng thầu</p>	<p>41.1. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, điện lực và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>41.2. Nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp quá thời hạn kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không ứng đủ vốn, nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 75 của Luật Đấu thầu.</p>

DM *AMH*

Trong trường hợp này, việc hoàn trả kinh phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà nhà đầu tư trúng thầu đã ứng trước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

41.3. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; pháp luật về điện lực và pháp luật khác có liên quan;

b) Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật Đầu thầu.

41.4. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các thành viên, cổ đông trong tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập trước khi dự án được khai thác, vận hành thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được người có thẩm quyền chấp thuận;

b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phải có tư cách pháp lý và đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai và điện lực; có năng lực, kinh nghiệm tương ứng với cổ phần, phần vốn góp dự kiến nhận chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần) hoặc có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn so với nhà đầu tư chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ); phải kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án;

c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b Mục này, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của thành viên liên danh phải bảo đảm tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu của từng thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

Kể từ khi dự án khai thác, vận hành, việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế mà không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này.

41.5. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư công trình năng lượng, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức

Ms *trung*

kinh tế theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP phải được quy định tại hợp đồng.

Căn cứ quy định tại hợp đồng và ý kiến đánh giá của bên mời thầu đối với nhà đầu tư dự kiến nhận chuyển nhượng, người có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đề nghị chuyển nhượng dự án đầu tư công trình năng lượng, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế.

Trường hợp chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, người có thẩm quyền giao bên mời thầu rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng.

41.6. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP dẫn đến điều chỉnh dự án đầu tư thì sau khi được người có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, nhà đầu tư chuyển nhượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

41.7. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp làm phát sinh nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

41.8. Nhà đầu tư trúng thầu, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập có quyền góp vốn, tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh khác (nếu có) nhưng không được làm ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và hợp đồng dự án.

41.9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng, trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật Đấu thầu (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 52 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) hoặc điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng dự án, người có thẩm quyền giao bên mời thầu xem xét, đánh giá năng lực kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư.

	<p>Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án sau khi điều chỉnh. Trường hợp nhà đầu tư đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính, người có thẩm quyền giao bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đồng thời giao bên mời thầu rà soát nội dung hợp đồng để sửa đổi, bổ sung sau khi dự án đầu tư được điều chỉnh.</p>
--	--

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	<p>Tên và địa chỉ của bên mời thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên bên mời thầu: ___ [<i>ghi tên bên mời thầu</i>] - Đại diện: ___ [<i>ghi tên đầy đủ của người đại diện</i>] - Số nhà/số tầng/số phòng: ___ [<i>ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)</i>] - Tên đường, phố: ___ [<i>ghi tên đường phố</i>] - Thành phố: ___ [<i>ghi tên thành phố hoặc thị trấn</i>] - Số điện thoại: ___ [<i>ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố</i>] - Số fax: ___ [<i>ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố</i>] - Địa chỉ e-mail: ___ [<i>ghi địa chỉ email (nếu có)</i>]
CDNĐT 1.2	<p>Tổng vốn đầu tư ___ [<i>ghi tổng vốn đầu tư, gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) được bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định đối với từng dự án cụ thể.</i>]</p>
CDNĐT 1.3	<p>Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải huy động:</p> <p>a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ [<i>ghi giá trị bằng số và bằng chữ, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư.</i>]</p> <p>b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: ___ [<i>ghi giá trị bằng số và bằng chữ.</i>]</p>

CDNĐT 1.4	<p>Thông tin cơ bản của dự án gồm:</p> <p>a) Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: _____</p> <p>b) Tổng vốn đầu tư của dự án: _____</p> <p>- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: _____</p> <p>- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): _____</p> <p>c) Địa điểm thực hiện dự án: _____</p> <p>d) Mục đích sử dụng đất; Hiện trạng sử dụng đất: _____</p> <p>đ) Diện tích khu đất thực hiện dự án: _____</p> <p>e) Các chỉ tiêu quy hoạch: _____</p> <p>g) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____</p> <p>h) Tên bên mời thầu: _____</p> <p>i) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư: _____</p> <p>k) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: _____</p>
CDNĐT 3.5	<p>Kể từ ngày phát hành HSMT, nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây:</p> <p>- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;</p> <p>- Tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án đầu tư có sử dụng đất không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;</p> <p>- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]⁽¹⁾;</p> <p>- Tư vấn lập HSMT (nếu có): _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];</p> <p>- Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có): _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];</p> <p>- Tư vấn đánh giá HSDT (nếu có): _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn];</p> <p>- Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn].</p>

⁽¹⁾Nội dung này không áp dụng đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, bên mời thầu, tổ chuyên gia bỏ nội dung này khi lập HSMT.

CDNĐT 5.2	Thời hạn nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ là _____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày cụ thể, tối thiểu là 07 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 15 ngày đối với đấu thầu quốc tế].
CDNĐT 5.3 (b)	Hội nghị tiền đấu thầu: _____ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] được tổ chức. [Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]
CDNĐT 5.4	Thời hạn đăng tải văn bản làm rõ HSMT là ____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày cụ thể nhưng tối thiểu 02 ngày làm việc].
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu: _____ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] tổ chức khảo sát hiện trường. [Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm].
CDNĐT 7.2	Thời hạn đăng tải quyết định sửa đổi HSMT là ____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDT và tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu quốc tế].
CDNĐT 9	[Căn cứ hình thức đấu thầu, ghi rõ ngôn ngữ của HSDT: - Đối với đấu thầu quốc tế: HSDT, các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng: _____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT”.] Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: _____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDT”]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung. - Đối với đấu thầu trong nước: HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

	<i>Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung].</i>
CDNĐT 10.3	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ___ [<i>ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1 CDNĐT và Mục 10.2 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].</i>
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNĐT 12.2 (a)	Đồng tiền dùng để đánh giá: ___ [<i>ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với đấu thầu trong nước thì là “Đồng Việt Nam”. Đối với đấu thầu quốc tế, khi đánh giá HSDT phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về “Đồng Việt Nam”].</i> Trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì HSMT phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau: - Đồng tiền quy đổi là: ___ [<i>ghi đồng tiền quy đổi dùng để đánh giá</i>]. - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ___ [<i>ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi</i>]. - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: ___ [<i>ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)</i>].
CDNĐT 12.2 (b)	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ___ [<i>ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 12.1 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính</i>

	<p><i>chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].</i></p>
<p>CDNĐT 13</p>	<p>Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh:</p> <p><i>[Căn cứ quy mô, tính chất cụ thể của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó gồm:</i></p> <p><i>a) Về kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình, sơ đồ tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ với tổng thể công trình) với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, điện lực và pháp luật có liên quan;</i> - <i>Thuyết minh về tính khả thi của giải pháp ứng dụng công nghệ (nếu có), phương án chuyển giao công nghệ (nếu có);</i> - <i>Thuyết minh về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư;</i> - <i>Thuyết minh về sự phù hợp của phương án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (gồm vị trí công trình, tiến độ, sơ đồ tổ chức không gian, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình và các thông số kỹ thuật chính) với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</i> - <i>Thuyết minh về sự phù hợp đối với các thông số cơ bản của nhà máy điện theo từng loại hình nhà máy.</i> <p><i>b) Về xã hội</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thuyết minh về phương án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).</i> <p><i>Trường hợp dự án có yêu cầu nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì hồ sơ mời thầu phải quy định nguyên tắc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư phải cam kết trong hồ sơ dự thầu việc ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai;</i></p>

	<p>- Thuyết minh về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua việc sử dụng lao động tại địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân; hoạt động trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương, phù hợp với nhu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án;</p> <p>c) Về môi trường</p> <p>Bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một hoặc các tiêu chí sau đây để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về môi trường trong hồ sơ mời thầu phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án:</p> <p>- Thuyết minh về sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ cung cấp với quy định của pháp luật về môi trường; phương án giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường;</p> <p>- Giải pháp về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;</p> <p>- Thuyết minh về chỉ tiêu sử dụng đất, hệ số sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng; yêu cầu về việc sử dụng tài nguyên theo quy định của pháp luật; khả năng bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>- Giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, phương án chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất (đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).]</p>
CDNĐT 15.1	<p>Thành phần đề xuất về tài chính của nhà đầu tư gồm:</p> <p>[Căn cứ quy mô, tính chất cụ thể của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định nội dung đề xuất về hiệu quả phát triển ngành điện của nhà đầu tư là mức giá điện và nguyên tắc xác định giá điện được thống nhất với bên mua điện theo quy định của pháp luật về điện lực.]</p>
CDNĐT 16.1	<p>Đồng tiền dự thầu là: _____</p> <p>- Đối với đấu thầu trong nước: đồng tiền dự thầu là Đồng Việt Nam.</p> <p>- Đối với đấu thầu quốc tế, căn cứ theo yêu cầu của dự án, nhà đầu tư được chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau gồm: [ghi cụ thể 02 hoặc 03 loại tiền tệ, ví dụ: VND, USD, EUR.]</p>

CDNĐT 17.1	<p>- Hình thức bảo đảm dự thầu: ____ [ghi một trong các hình thức: Đặt cọc; Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: “Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.”]</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu là ____ [ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 0,5% đến 1,5% tổng vốn đầu tư của dự án].</p> <p>- Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là ____ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày]</p>
CDNĐT 17.4	<p>Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời hạn ____ ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt [ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày].</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu khi bên mời thầu yêu cầu do gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT thì bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư trong thời hạn ____ ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn [ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 14 ngày].</p>
CDNĐT 18.1	<p>Thời gian có hiệu lực của HSDT là ____ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc theo Bảng theo dõi tiến độ trong lựa chọn nhà đầu tư đã được người có thẩm quyền phê duyệt].</p>
CDNĐT 19.1	<p>- Số lượng bản chụp HSDT là: ____ [ghi số lượng bản chụp cần thiết].</p>
CDNĐT 21.1	<p>- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __ [ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMT đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc]</p>

	<p><i>của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSMT].</i></p> <p>- HSMT có mức giá bán (bao gồm cả thuế) là: _____ [ghi “miễn phí” đối với đấu thầu trong nước; ghi mức giá bán bộ HSMT bản điện tử, bảo đảm không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đối với đấu thầu quốc tế].</p>
CDNĐT 25.1	<p>Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm là _____ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [căn cứ tiến độ của dự án, thời gian đánh giá, bên mời thầu quy định thời gian nhà đầu tư được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp].</p>
CDNĐT 28.1	<p>Thời điểm mở HSMT là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __ [ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu ngay trong vòng 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu] tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:</p> <p>- Số nhà/số tầng/số phòng: _____</p> <p>- Tên đường, phố: _____</p> <p>- Thành phố: _____</p>
CDNĐT 29.4 (a)	<p>Điểm năng lực, kinh nghiệm: _____ điểm [ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 5% đến 10% tổng số điểm].</p>
CDNĐT 29.4 (b)	<p>Điểm phương án đầu tư kinh doanh: _____ điểm [ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 5% đến 10% tổng số điểm]</p>
CDNĐT 29.4 (c)	<p>Điểm hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện: _____ điểm [ghi số điểm cụ thể, bảo đảm chiếm tỷ trọng từ 80% đến 90% tổng số điểm].</p>
CDNĐT 30.1	<p>Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước hoặc các tiêu chuẩn, tiêu chí tài chính khác.</p> <p>b) Lỗi nhầm đơn vị:</p> <p>- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.</p> <p>c) Các lỗi khác:</p>

	<p>- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;</p> <p>- Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.</p>
CDNĐT 30.2	<i>Căn cứ tính chất, quy mô của dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô công suất...) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh.</i>
CDNĐT 31.2	Tài liệu chứng minh: ___ [<i>ghi tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan</i>].
CDNĐT 37.1	<p>a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ [<i>bên mời thầu, tổ chuyên gia lựa chọn một trong các hình thức:</i></p> <p>- <i>Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</i></p> <p>- <i>Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Đối với trường hợp quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: “Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 15 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSMT hoặc một mẫu khác nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo đảm thực hiện hợp đồng được người có thẩm quyền chấp thuận”.]</i></p> <p>b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ [<i>ghi giá trị và đồng tiền cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của dự án đầu tư có sử dụng đất, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 1% đến 3% tổng vốn đầu tư</i>].</p> <p>c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực là ___ ngày kể từ ngày hợp đồng được ký chính thức cho đến ngày chấm dứt hợp đồng [<i>ghi thời hạn cụ thể, căn cứ quy mô, tính chất của dự án mà quy định thời hạn này</i>].</p>
CDNĐT 37.2	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ [<i>ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất của dự án và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án</i>].

	<p><i>Ví dụ: Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi kết thúc hợp đồng.</i></p> <p><i>hoặc</i></p> <p><i>Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư không chậm hơn ____ ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng.</i></p> <p><i>hoặc</i></p> <p><i>Bên mời thầu sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư theo từng phân kỳ căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng dự án trên cơ sở phân kỳ tiến độ được phê duyệt tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư].</i></p>
CDNĐT 38	<p>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:</p> <p>a) Địa chỉ của bên mời thầu: ____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu].</p> <p>b) Địa chỉ của người có thẩm quyền: ____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].</p> <p>c) Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: ____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn].</p>
CDNĐT 40.2	<p>Thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư là: ____ [ghi cụ thể tên người có thẩm quyền theo một trong hai trường hợp sau:</p> <p>- Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế là người có thẩm quyền hoặc thuộc lĩnh vực quản lý, ghi cụ thể là: “Bộ trưởng Bộ Công Thương, Trưởng Ban quản lý khu kinh tế chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư”;</p> <p>- Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người có thẩm quyền trên địa bàn quản lý, ghi cụ thể là: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại địa phương mình”.]</p>

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDT, bao gồm: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; nội dung đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh; nội dung đề xuất về hiệu quả đầu tư phát triển ngành điện; các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
- b) Có đơn dự thầu hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).


Đơn dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

- c) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;
- d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;



đ) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không phải là bản gốc và không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh thấp hơn, thời hạn có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSMT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu;

e) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDT được coi là “Hợp lệ” khi tất cả điều kiện được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDT của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi bất kỳ một điều kiện được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSDT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

2.1.1. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm.

Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chi tiết về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn ___ % điểm tối đa của tiêu chuẩn đó [ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 60%].

Điểm tối thiểu của từng tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm là ___ % điểm tối đa của tiêu chí đó [ghi giá trị % nhưng không thấp hơn 50%].

2.1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b) Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh;

c) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

2.1.3. Nhà đầu tư được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự. Đối tác là tổ chức ký kết hợp đồng với nhà đầu tư hoặc là công ty con của nhà đầu tư, được nhà đầu tư đề xuất trong HSĐT để cùng tham gia thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và được đánh giá kinh nghiệm, khả năng đáp ứng công việc đối tác tham gia cùng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư trên cơ sở yêu cầu quy định tại HSMT.

Nhà đầu tư trong nước được sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước. *[Ghi nội dung này nếu dự án có yêu cầu thúc đẩy sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 46 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP].*

Bên mời thầu căn cứ đề xuất về việc sử dụng đối tác tại HSĐT, phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) được thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư và đối tác để đánh giá khả năng đáp ứng của đối tác đối với phần công việc đối tác tham gia cùng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với nhà đầu tư.

Trong trường hợp nhà đầu tư xếp thứ nhất, phạm vi, nội dung, giá trị công việc, yêu cầu thực hiện công việc, yêu cầu khác (nếu có) trong hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư và đối tác sẽ được Bên mời thầu quy định cụ thể trong hợp đồng dự án đầu tư. Không thay đổi danh sách đối tác trong quá trình thực hiện dự án. Trong trường hợp có sự thay đổi đối tác vì lý do bất khả kháng, Nhà đầu tư phải có văn bản trình Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi triển khai công việc, văn bản phải kèm tài liệu chứng minh đối tác được thay thế có năng lực kinh nghiệm tốt hơn hoặc bằng đối tác được nêu trong hợp đồng.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Đối với dự án đầu tư công trình năng lượng đã thực hiện thủ tục mời quan tâm và có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm trong hồ sơ mời thầu phải được cập nhật, bổ sung căn cứ hồ sơ mời quan tâm được phê duyệt, các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và các văn bản quy định tại Điều 13 của

HƯỚNG DẪN

[Chữ ký]

100

Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

2.2.1. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

A handwritten signature in blue ink is located at the bottom right of the page. To its right, a portion of a red circular stamp is visible, containing the letters 'CA'.

